

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 5 (Đợt 1)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 08 – 09/05/2020

Ngày cung cấp TT: 09/05/2020

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công mở.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công mở.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công mở.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Hữu Bị**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập Biên Hòa, Cầu Chủ (sông Châu, Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cốc Thành, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Không có vị trí nào.**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 32°C, độ ẩm 76%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 27%. Dòng chảy chậm, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.65	9.5	5.29	0.1	0.047	0.844	218	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
											thủy sinh.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời mát, t° = 31°C, độ ẩm 79%, gió Nam 27 km/h, mật độ mây 36%. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Có vệt được chặn thả trên kênh (khoảng 30 con). Nước màu vàng lục.	7.56	4	6.12	0.1	0.078	0.815	196	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời oi bức, t° = 29°C, độ ẩm 85%, gió Nam 28 km/h, mật độ mây 63%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang hoạt động lấy nước từ kênh tiêu lên. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.13	10.2	4.36	0.4	0.039	1.339	518	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 33°C, độ ẩm 68%, gió Nam 26 km/h, mật độ mây 20%. Không có dòng chảy, cống đóng. Chân cống nhiều bèo và rác thải sinh hoạt. Nước màu	7.39	11.1	5.19	0.2	0.140	1.382	282	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			xanh xám.								thủy sinh.
5	Cổng Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phân phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng, t° = 35°C, độ ẩm 64%, gió ĐN 28 km/h, mật độ mây 8%. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng, trạm bơm đang hoạt động. Nước màu nâu đỏ.	7.17	34.9	5.23	0.3	0.319	2.066	382	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 35°C, độ ẩm 64%, gió ĐN 28 km/h, mật độ mây 8%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Thượng lưu cống dầy đặc bèo. Nước màu xanh lục.	7.7	13.9	4.62	0.3	0.715	1.213	420	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cổng Cồ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cồ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 33°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 27 km/h, mật độ mây 14%. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.44	17.2	4.81	0.3	0.334	1.895	375	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 34°C, độ ẩm 68%, gió Nam 24 km/h, mật độ mây 10%. Cổng đóng, không có dòng chảy. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.17	15.6	4.64	0.2	0.241	1.523	300	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, t° = 29°C, độ ẩm 83%, gió Nam 29 km/h, mật độ mây 47%. Dòng chảy chậm, hướng về Sông Chanh. Trên kênh có bèo. Nước màu xanh lục.	7.1	12.6	4.86	0.4	0.264	1.307	560	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 34°C, độ ẩm 67%, gió Nam 22 km/h, mật độ mây 12%. Dòng chảy chậm về phía An Bài. Chân cầu có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	8.04	9.3	5.35	0.3	0.093	1.469	389	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	Cầu đường 10 với	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu	Trời nắng, t° = 33°C, độ ẩm 68%, gió Nam 26 km/h, mật độ mây	7.27	16.4	4.57	0.2	0.350	0.815	287	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
	sông Sắt	kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	20%. Dòng chảy chậm hướng về phía cầu Sắt. Chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.								tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 34°C, độ ẩm 67%, gió Nam 22 km/h, mật độ mây 12%. Không có dòng chảy, cống đóng. Hạ lưu cống có bèo. Nước màu xanh lục.	7.42	14.6	5.13	0.2	0.350	0.772	279	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 37°C, độ ẩm 57%, gió ĐN 28 km/h, mật độ mây 24%. Cống mở, dòng chảy vừa, đang lấy nước vào, trạm bơm đang hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.33	3.1	5.7	0.3	0.474	2.117	464	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	Đập La Chơ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nhẹ, t° = 29°C, độ ẩm 83%, gió Nam 28 km/h, mật độ mây 49%. Nước đứng, không có	7.06	16.9	5.6	0.2	0.047	0.889	321	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			dòng chảy. Chân đập có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.								Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 32°C, độ ẩm 71%, gió ĐN 26 km/h, mật độ mây 25%. Không có dòng chảy, cống đóng. Thượng lưu đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.42	24.1	5.18	0.2	0.210	0.767	366	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 32°C, độ ẩm 75%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 23%. Không có dòng chảy, đập đóng. Chân cống nhiều rác thải sinh hoạt, hạ lưu đập nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.23	10.1	4.48	0.3	0.202	2.030	547	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, t° = 33°C, độ ẩm 71%, gió Nam 25 km/h, mật độ mây 12%. Dòng chảy vừa, nước chảy từ Hữu Bị về. Trên sông và 2 bên bờ	7.48	7.8	5.23	0.2	0.093	0.695	210	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			sông có bèo. Nước màu vàng lục.								động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 32°C, độ ẩm 69%, gió ĐN 27 km/h, mật độ mây 15%. Dòng chảy chậm, nước chảy từ Cổ Đam về. Trên kênh có bèo. Nước màu xanh lục.	8.07	11.9	4.68	0.3	0.420	1.091	426	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng, t° = 34°C, độ ẩm 68%, gió Nam 24 km/h, mật độ mây 10%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu tiếp nhận nước thải KCN Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.83	9.3	4.53	0.7	0.963	3.488	967	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 34°C, độ ẩm 68%, gió Nam 23 km/h, mật độ mây 9%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu có nhiều bèo và rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.22	12.1	5.39	0.3	0.334	1.139	382	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2020

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC